

## Kinh nghiệm của Trung Quốc ở một số lĩnh vực chủ yếu (phần 2)

### 5. Xử lý các vấn đề về sở hữu trí tuệ

Mặc dù việc bảo hộ bản quyền mới được hình thành khoảng vài chục năm, Trung Quốc đã nhanh chóng xây dựng thể chế về bảo hộ bản quyền và sở hữu trí tuệ phù hợp với tình hình trong nước, đảm bảo được quyền lợi của đất nước và thực hiện các cam kết WTO.

Quá trình xây dựng khuôn khổ pháp lý về bảo hộ bản quyền phù hợp với yêu cầu của WTO trải qua 2 giai đoạn: (i) thập kỷ 80-90, từng bước hình thành hệ thống luật pháp về bảo hộ bản quyền và sở hữu trí tuệ; ban hành luật về Thương hiệu, Luật bản quyền; (ii) từ 2000 đến nay, đã hoàn thiện toàn diện thể chế về bảo hộ bản quyền và sở hữu trí tuệ có tính tới điều kiện trong nước. Hai đặc điểm nổi bật là bảo hộ bản quyền trong nước và bảo hộ bản quyền theo WTO. Sửa đổi Luật Thương hiệu, Luật Tác quyền, Luật Bản quyền sáng chế (Patent Law) và các văn bản hướng dẫn thi hành. Năm 2006, Trung Quốc tiến hành sửa đổi lần 3 Luật Thương hiệu và Luật sáng chế.

Về hành pháp, để xử lý tranh chấp liên quan đến bản quyền có thể dùng thủ tục tố tụng dân sự (xin lỗi, bồi thường...); sử dụng thủ tục tố tụng hình sự (Luật Hình sự sửa đổi năm 1997 qui định mức tù giam đến 7 năm nếu có tội vi phạm bản quyền nặng) hoặc có thể xử lý qua cơ quan hành chính. Trung Quốc có qui định Bảo hộ bản quyền, sở hữu trí tuệ vượt cả yêu cầu của WTO là: đối với hàng xuất khẩu nếu có nghi ngờ vi phạm bảo hộ bản quyền thì cơ quan chức năng có thể kiểm tra.

Trung Quốc áp dụng giám sát hàng ngày và giám sát theo chuyên đề đối với vi phạm bảo hộ bản quyền và sở hữu trí tuệ. Thống nhất chỉ đạo bảo hộ bản quyền, sở hữu trí tuệ trong cả nước. Trung Quốc thành lập Ban Chỉ đạo về vấn đề này do một Phó Thủ tướng làm Trưởng Ban.

Năm 2005 có kế hoạch bảo vệ bản quyền và sở hữu trí tuệ: đến năm 2006 đã cơ bản thực hiện được những kế hoạch này. Thành lập 50 trung tâm khiếu kiện về bản quyền trên toàn quốc. Tiến hành 1 tháng tuyên truyền và hành động trên toàn quốc về sở hữu bản quyền. Hàng năm công bố các điển hình về vi phạm bản quyền.

Trung Quốc tham gia đầy đủ các điều ước, công ước về vấn đề này (khoảng hơn 10 công ước quốc tế). Tích cực tham gia các hoạt động đa phương của WTO, WIPO v.v. Hợp tác song phương với EU, Mỹ, Nga, Nhật, v.v về vấn đề bản quyền.

Tuy Trung Quốc đã có những bước tiến trong lĩnh vực quyền sở hữu trí tuệ và tính minh bạch của hệ thống pháp luật, song nhiều nước trên thế giới đặc biệt là các nước phát triển, EU vẫn cho rằng thành tựu đạt được là chưa đủ. Họ cho rằng Trung Quốc vẫn chưa mở cửa trong lĩnh vực tài chính. Một số văn bản luật vẫn chưa đủ minh bạch.

### 6. Xử lý các tác động lao động - xã hội

#### *- WTO có những tác động chung đến xã hội và kinh tế:*

Tổng kết và đánh giá những tác động của việc gia nhập WTO đối với hệ thống việc làm là một việc quan trọng đối với Trung Quốc khi trở thành thành viên của WTO và có các tác động sau:

+ Nó làm thay đổi các cách thức để sản xuất sản phẩm xã hội. Các thị trường sẽ phân phối những nhà sản xuất. Sau khi gia nhập WTO bước đi của cải cách thị trường sẽ nhanh hơn điều này cũng sẽ tạo ra một sơ hội đáng kể để phát triển thị trường lao động.

+ WTO sẽ làm thay đổi các cách thức tổ chức các nhân tố sản xuất. Sau khi vào WTO, sự đa dạng của nhân tố sản xuất sẽ được phân bổ với nguyên tắc hiệu quả. Quá trình này sẽ có nhiều

thay đổi và điều chỉnh trong tổ chức quản lý, công nghệ sản xuất...kiến trúc công nghiệp, dây chuyền sản xuất, kết cấu thuộc 3 lĩnh vực công nghiệp cũng sẽ được phục hồi.

+ Hệ thống và phương thức quản lý xã hội cũng sẽ được thay đổi. Các thị trường sẽ đóng vai trò phân bổ nguồn lực. Điều hành của Chính phủ sẽ tập trung vào sự duy trì ổn định xã hội và cung cấp dịch vụ công và cũng là để thúc đẩy hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội.

+ Việc gia nhập WTO sẽ thay đổi định kiến, quan niệm và hành vi của mọi người. Những quy tắc trò chơi được chấp nhận mang tính toàn cầu sẽ thay đổi hiệu quả nhất những suy nghĩ về việc làm và thúc đẩy người lao động tăng khả năng của họ.

Tất cả những thay đổi nêu trên đã chứng tỏ rằng có hai yêu cầu cho phát triển hệ thống việc làm của Trung Quốc, đầu tiên cần nhận ra địa vị chủ động của người lao động, họ không chỉ là người nhận việc. Di chuyển lao động sẽ tăng lên giữa thành thị và nông thôn, giữa các khu vực và giữa các doanh nghiệp. Do đó, những hạn chế mang tính hành chính để ngăn cản di chuyển lao động sẽ phải được bãi bỏ. Thứ hai, các doanh nghiệp đặc biệt là những doanh nghiệp lớn của nhà nước có quyền tự quyết định để thuê và duy trì số lượng người lao động. Các doanh nghiệp cũng phải có quyền quyết định mức lương dựa trên mức hao phí lao động theo quy định. Trong hai hướng này, các công việc vẫn được tiến hành để cải thiện việc làm và hệ thống an sinh xã hội ở Trung Quốc.

#### **- Về hoàn thiện hệ thống pháp luật lao động - việc làm:**

Trung Quốc gia nhập WTO đảm bảo nhanh chóng có hành lang pháp luật về lao động - việc làm và an sinh xã hội, quy định rõ cái gì được làm và cái gì không được làm. Quy trình xây dựng pháp luật phải được đưa ra trung tâm ý kiến của mọi tầng lớp nhân dân, nhưng phải phù hợp với quốc tế.

Sau khi gia nhập WTO, Trung quốc đã sửa đổi, bổ sung Bộ luật Lao động và tách thành các luật: Luật Xúc tiến việc làm, Luật hợp đồng lao động, Luật bảo hiểm xã hội, Luật giải quyết tranh chấp lao động (do sự thay đổi trong nước, Trung quốc gia nhập WTO, Bộ luật Lao động cũ chỉ đưa ra khung, thiếu cụ thể).

Thực hiện từ năm 2002 với phương châm người lao động tự tìm việc làm theo nhu cầu của thị trường tự do, Chính phủ thúc đẩy vấn đề việc làm thông qua các chính sách: Chính sách kinh tế Hồng Quang, Chính sách hỗ trợ việc làm, Chính sách khuyến khích doanh nghiệp thu hút nhiều lao động, Chính sách ổn định và việc làm linh hoạt, Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp giữ người lao động trong doanh nghiệp lớn, Chính sách thị trường lao động, Chính phủ có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và đào tạo khởi sự doanh nghiệp, Chính phủ có chính sách giám sát thất nghiệp, Chính phủ có chính sách hỗ trợ người lao động tàn tật, Chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển; chính sách khuyến khích các ngành dịch vụ phát triển; chính sách Xuất khẩu lao động, chuyển dịch lao động từ vùng khó khăn đến vùng phát triển hơn; đồng thời Trung Quốc có 10 biện pháp để thúc đẩy thực hiện chính sách.

Số lượng lao động được giải quyết việc làm: Từ năm 1978 khi Trung Quốc thực hiện cải cách mở cửa thì vấn đề việc làm và các vấn đề xã hội luôn là những vấn đề nóng bỏng. Đây cũng là những vấn đề của quá trình cộng nghiệp hóa và hiện đại hóa. Bình quân Trung Quốc giải quyết việc làm 8 triệu người/ năm. *Trong quá trình cải cách việc làm trong khu vực Nhà nước giảm 45 triệu và 25 triệu việc làm ở khu vực kinh tế tập thể, nhưng ở khu vực dân doanh tăng 74 triệu việc làm.* Trung Quốc đó cú chớnh sách thu hút vốn FDI. Đến 2006, Trung Quốc đó cấp giấy phép cho khoảng gần 500.000 doanh nghiệp. Vốn FDI thực tế sử dụng là 865 tỷ USD. Các doanh nghiệp FDI chiếm 20% tổng giá trị gia tăng công nghiệp toàn quốc, 58% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, 21% tổng số thu ngân sách từ thuế, tạo được 25 triệu việc làm.

Ngành thứ nhất là ngành bị va chạm, ảnh hưởng mạnh nhất, với một thực tế sẽ giảm rất mạnh về việc làm:

Trung Quốc có lúa mì, gạo, bông ... sản phẩm nông nghiệp có chi phí sản xuất cao so với thị trường quốc tế. Thậm chí sau khi gia nhập WTO, hạn ngạch nhập khẩu các sản phẩm theo mùa vụ chỉ chiếm 4-5% tổng số nhu cầu thị trường trong nước, điều này ít nhiều có ảnh hưởng đến việc thay thế thị trường. Ngoài ra, thoả thuận về hạn ngạch sẽ được thực hiện dựa trên tính minh bạch, điều này sẽ kéo theo sự giảm giá sản phẩm bông và các sản phẩm thu hoạch theo mùa vụ, điều này sẽ làm giảm thu nhập của người nông dân.

Trong số 500 triệu lực lượng lao động nông thôn, có 130 triệu lao động làm việc trong các doanh nghiệp ở thành thị và trong làng, 11,4 triệu làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân, 40 triệu lao động tự tạo việc làm, 80 triệu là công nhân di cư và 250 triệu làm việc trong ngành nông nghiệp. Có thể cho rằng, tổng số lao động trong ngành nông nghiệp sẽ giảm bằng tỷ lệ hạn ngạch nhập khẩu, khoảng 4-5%, tổng số khoảng 10 triệu việc làm có thể bị mất, có tính toán cho rằng riêng ngành trồng trọt giảm khoảng 4 triệu việc làm. Việc mất đi cơ hội việc làm trong ngành nông nghiệp không có nghĩa là lực lượng lao động bị mất việc làm, mà nghĩa là sẽ gia tăng lực lượng lao động thặng dư. Đối với lực lượng lao động này vẫn còn làm trong ngành nông nghiệp, có nghĩa là đòi hỏi về kỹ năng làm việc sẽ cao hơn. Như vậy, ngành thứ nhất sẽ đòi hỏi người lao động có kỹ năng cao hơn.

Ngành thứ hai sẽ có cả sự đạt được và sự mất đi về việc làm và nói chung, số lượng việc làm sẽ tăng trong khi cơ cấu thất nghiệp vẫn còn tồn tại. Sau khi gia nhập WTO, cơ cấu ngành thứ hai có sự thay đổi. Điều này có thể làm tăng quá trình điều chỉnh. Theo như nguồn thông tin có giá trị (xem bảng 1), trong thập kỷ đầu gia nhập WTO, có 15 nhân tố tác động đến việc gia tăng việc làm. Những nhân tố này gồm công nghiệp nhẹ như dệt, may mặc, chế biến thực phẩm, ngành da và ngành đòi hỏi lao động chuyên sâu, như xây dựng, vật liệu xây dựng, hoá chất. *Tổng số việc làm tăng đến 8 triệu trong 15 lĩnh vực này, trong đó lĩnh vực dệt, may mặc tạo ra việc làm nhiều nhất, 5 triệu việc làm. Có 13 lĩnh vực sẽ giảm việc làm. Những lĩnh vực này là ô tô, máy móc, chế biến dầu và thiế bị viễn thông. Những lĩnh vực này sẽ mất khoảng 1 triệu việc làm.*

Bảng 1: Ảnh hưởng của gia nhập WTO đối với việc làm ở ngành thứ hai

Lĩnh vực	Cơ hội việc làm (tính theo 1,000)
Mỏ	-18
Dầu và khai thác khí gas	-39
Khai thác kim loại	-7
Khai thác đá	58
Sản xuất dầu thực vật	-132
Đường	-14
<b>Chế biến thực phẩm</b>	<b>323</b>
<b>Dệt</b>	<b>2,712</b>
<b>May</b>	<b>2.523</b>
<b>Sản phẩm da</b>	<b>220</b>
<b>Chế biến gỗ</b>	<b>26</b>
<b>Giấy</b>	<b>155</b>
Điện	0
Dầu	-18
Hầm mỏ	-2
<b>Công nghiệp hoá chất</b>	<b>600</b>

Vật liệu xây dựng	88
Công nghiệp luyện kim	-14
Hợp kim	60
Máy	-265
Xe hơi	-419
Các phương tiện vận chuyển khác	32
Máy điện	-84
Thiết bị điện viễn thông	-103
Máy đo	-74
Các khu vực sản xuất khác	26
Sửa chữa máy	103
Xây dựng	971
Cơ sở hạ tầng	447
Tổng số	7.155

Ngành thứ ba sẽ là người chiến thắng trong việc tạo ra một số lượng lớn cơ hội việc làm. Nói cách khác, thoả thuận về bán lẻ và bán sỉ và những ngành lớn sẽ có một số lượng lớn việc làm. Sự gia tăng của nền kinh tế sẽ kích thích sự luân chuyển của hàng hoá. Sự gia tăng của nền kinh tế cũng đòi hỏi sự thịnh vượng của thị trường. Sự làm quen bước đầu của dịch vụ ngoại thương, việc mở thị trường bán lẻ, bán sỉ cũng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc gia tăng việc làm.

**- Về vấn đề đào tạo:** Lao động có chất lượng cao là một trong những nhân tố quyết định cạnh tranh trên trường quốc tế. Theo thống kê của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), trong năm 1997 ở Anh, Pháp, Nhật Bản và Canada người lao động có trình độ cao đẳng theo thứ tự là 37.2%, 23.1%, 18.6%, và 17.9% trong tổng số người lao động tại những nước này. Trong khi đó ở Trung Quốc tỷ lệ này chỉ khoảng 3.5%. Trình độ trung học cơ sở hoặc thấp hơn khoảng 84.5% trong cả nước, ở Bắc Kinh và Thượng Hải tỷ lệ này là 19.1% và 15% tính trên tổng số người lao động trong hai thành phố này. Đối với các tỉnh Thiên Tân, Giang Tô, Triết Giang, Phúc Kiến và Quảng Đông thì tỷ lệ này cao hơn trung bình trong cả nước là từ 0.4% đến 4.2%. Ảnh hưởng chủ yếu của gia nhập WTO đến việc làm là chất lượng chứ không phải là số lượng (yêu cầu chất lượng lao động cao hơn), đòi hỏi cú thòm nhiều lao động tay nghề cao và do vậy chính phủ phải đầu tư vào đào tạo nhiều hơn.

Trung Quốc thực hiện khẩu hiệu “*Ai ai cũng có kiến thức*”, người lao động chưa qua đào tạo và trình độ thấp thì được đào tạo; chương trình ánh sáng tham gia đào tạo và hướng nghiệp cho người lao động nông thôn; Chính phủ còn áp dụng nhiều biện pháp khuyến khích tạo việc làm trong chiến dịch nông thôn mới, kể cả việc tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng cho nông thôn, xóa bỏ phí học phí cho vùng nông thôn. Ngoài Bộ Lao động và An sinh xã hội thì Bộ Dân chính cũng tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn; bình quân hàng năm phải đào tạo khoảng 1 triệu người lao động cho vùng khó khăn. Với miền núi khó khăn, tập trung đào tạo nghề, đưa đến các khu vực phát triển để tìm việc làm, tạo ra nguồn thu nhập lớn cho vùng khó khăn. *Tại Thượng Hải hiện nay vấn đề đang rất cần lao động có tay nghề cao, có trình độ cao; hiện nay mới cho các trường đại học dân lập được cổ phần, chưa cho phép đầu tư 100% vốn nước ngoài để thành lập trường đại học.* Năm 2003, chính phủ có Chương trình cứ 3 năm đào tạo 5 triệu lao động có tay nghề cao thông qua các trường, cơ sở dạy nghề. Lĩnh vực do Bộ Lao động xác định.

**- Vấn đề an sinh xã hội:**

Vấn đề an sinh xã hội ảnh hưởng rất lớn, Trung quốc có 5 loại bảo hiểm (bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm thai sản), các doanh nghiệp đều tham gia bảo hiểm và cần có cơ chế, chính sách rõ ràng và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, cần có các hình thức bảo hiểm bắt buộc, bảo hiểm tự nguyện và doanh nghiệp có các bảo hiểm bổ sung khác. Bảo hiểm thất nghiệp ở Trung quốc: Mức đóng của người lao động là 1% và người sử dụng lao động là 2% và nguồn bảo hiểm xã hội không đủ thì Chính phủ hỗ trợ; hệ thống thuế thực hiện việc thu và tổ chức giới thiệu việc làm làm các thủ tục chi; người lao động thất nghiệp hưởng bảo hiểm thất nghiệp dài nhất không quá 2 năm, mức hưởng trợ cấp thất nghiệp không thấp hơn mức lương tối thiểu. Tại Bộ Lao động và an sinh xã hội Trung quốc có Vụ bảo hiểm thất nghiệp riêng, ở các địa phương thì tùy thuộc từng địa phương để có các phòng việc làm, cục việc làm....

**-Vấn đề giảm nghèo:** Trung Quốc có 900 triệu nông dân, trước năm 2000 có 1/4 hộ nông dân có thu nhập dưới 1 đô la một ngày và 3/4 người nghèo sống ở nông thôn. Kể từ năm 2000 đến nay, thu nhập đầu người của nông dân Trung Quốc tăng 29,2%/năm, đạt 405 USD năm 2005; tỷ lệ người nghèo giảm từ 16% xuống còn 10% (năm 2006 có tài liệu nêu Trung Quốc có 30 triệu người nghèo); tỷ lệ thu nhập giữa nông thôn và thành thị là 1/3,2.

Ngay từ khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã dự báo những bất lợi cho nông dân, một là khó khăn tăng thêm trong việc kinh doanh các mặt hàng nông sản và sức ép về hệ thống phân phối (thời điểm này việc quản lý sản xuất và phân phối do cơ quan nội ngoại thương phụ trách- hệ thống này không đủ sức đáp ứng); hai là giá cả một số nông sản giảm mạnh trên thị trường nội địa, dẫn đến giảm thu nhập của nông dân ở một số lĩnh vực, nông dân nản trí không canh tác (giá cả trong nước một số mặt hàng lúa mì, đậu nành, bắp, vải sợi, dầu thực vật và đường cao hơn mức giá của thế giới từ 10- 70%; giá thịt, rau quả và hải sản thấp hơn mức giá trên thế giới từ 40- 80% và còn gặp khó khăn về mẫu mã, hương vị...).

Từ một nghiên cứu của Ngân hàng thế giới dựa trên khảo sát 84.000 hộ gia đình Trung Quốc cho thấy 90% hộ gia đình có mức thu nhập và tiêu dùng tăng, nhưng một số không nhỏ các hộ gia đình nông dân lại bị giảm thu nhập (mức giảm là 0,7%); trong đó, nếu tính theo lượng tiêu dùng, mức sống của những hộ nghèo nhất giảm đến 6% do giá tiêu dùng tăng cao trong khi mức thu nhập hầu như không tăng tương ứng.

Diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp do sự phát triển của đô thị và hệ thống đường xá... từ năm 1999 đến 2003 đã mất đi 7,6 triệu ha đất nông nghiệp; tốc độ đô thị hoá tăng nhanh dẫn đến tình trạng thất nghiệp ở nông thôn, theo tính toán số người trong lực lượng lao động ở nông thôn chiếm 70% của cả nước, tuy nhiên chỉ có khoảng 180 triệu (gần 36%) có việc làm ổn định, còn lại thiếu việc làm.

Theo Vụ kinh tế nông nghiệp- Ủy ban nhà nước về cải cách và phát triển thì ảnh hưởng gia nhập WTO đối với nông nghiệp, thì *ảnh hưởng tích cực* là Thúc đẩy Trung Quốc hợp tác toàn diện trên lĩnh vực khoa học nông nghiệp với các nước phát triển, đẩy mạnh thu hút kỹ thuật nông nghiệp mới, nâng cao hàm lượng kỹ thuật của nông sản, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh; Tăng nhập khẩu nông sản loại tài nguyên, có thể lợi dụng các nguồn quốc tế, thúc đẩy phân bố hiệu quả nguồn lực trong nước, có lợi cho điều chỉnh cơ cấu nông nghiệp và chuyển đổi sản phẩm của vùng duyên hải ven biển thiết tài nguyên; có lợi cho cải cách thể chế lưu thông sản phẩm; do tăng sản phẩm ra nước ngoài, giá thực phẩm sẽ hạ và người tiêu dùng được hưởng lợi. *Những ảnh hưởng tiêu cực*, đó là một bộ phận nông sản bị thu hẹp (tiểu mạch, đậu, ngô, bông, dầu ăn, lông cừu phải thu hẹp); thu nhập từ sản xuất của nông dân giảm xuống do thu hẹp sản xuất; Cơ hội việc làm ở nông thôn giảm, gia tăng thất nghiệp và thiếu việc làm (có tính toán ngành trồng trọt giảm 4 triệu cơ hội việc làm và làm nông nghiệp chỉ 2 tháng). Trung Quốc đã có các chính sách để đẩy mạnh chuyển dịch lao động dôi dư ở nông thôn bằng cách đẩy mạnh phát triển đô thị, tăng cơ hội việc làm và điều chỉnh cơ cấu sản phẩm của xí nghiệp hương trấn, đẩy mạnh mậu dịch gia công bên ngoài, đưa lao động đi xuất khẩu; tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng (Miền Đông thôn thôn thông đường, Miền Tây xã

xã thông thông đường); phát triển nhiều ngành nghề mới và dịch vụ ở nông thôn... để tạo việc làm và tăng thu nhập giảm nghèo.

Trung Quốc có chính sách trợ giúp nông nghiệp, đó là điều chỉnh cơ cấu vùng miền, vùng ven biển giảm diện tích trồng cây lương thực, phát triển nông nghiệp thu ngoại tệ, miền trung và miền tây phát triển nông nghiệp trồng trọt; chính sách điều chỉnh cơ cấu sản phẩm: lương thực tăng tiểu mạch cứng, lúa cho gạo ngon, ngô ngon, phát triển rau sạch, cây ăn quả ngon, phát triển chăn nuôi dạng ăn cỏ, tiết kiệm lương thực, phát triển ngành thủy sản chất lượng cao; hoàn thiện pháp luật về kiểm dịch động thực vật, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chất lượng đối với sản phẩm trong nước; xây dựng chế độ dự trữ để điều phối thị trường; đẩy mạnh trợ giúp nông nghiệp, thực hiện chính sách 4 miễn đối với nông dân (miễn thuế nông nghiệp, thuế chăm nuôi, thuế đặc sản nông lâm, thuế giết mổ), giảm đóng góp cho nông dân; đẩy mạnh trợ giúp nông nghiệp, trợ cấp các hạng mục cho nông dân (giống, mua công cụ lớn, sản xuất nông nghiệp tổng hợp, ...); đẩy mạnh trợ giúp sản xuất nông nghiệp thông qua ứng dụng khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề cho nông dân, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn mới; thúc đẩy cải cách hệ thống lưu thông sản phẩm.

Trung Quốc có chính sách điều chỉnh là cải cách phân phối; tăng tiền bảo hiểm dưỡng lão cho cộng đồng; thu hẹp khoảng cách thu nhập của các cơ quan; nâng cao mức sống tối thiểu; khuyến khích xây dựng bảo hiểm khám chữa bệnh toàn dân. Với phương châm “Hạn chế thu nhập cao, đảm bảo thu nhập tối thiểu, duy trì thu nhập trung bình”, những người thu nhập 12 vạn tệ/năm thì phải kê khai nộp thuế. Ngoài ra còn chế độ lương tối thiểu 600 – 700 /người/tháng tự vựng khác nhau.

## **7. Tình hình thực hiện cam kết WTO ở một số địa phương Trung Quốc:**

### ***Bắc Kinh***

Sau khi gia nhập WTO, Bắc Kinh đã có một loạt biện pháp về kinh tế xã hội, phát huy vai trò trung tâm của Thành phố. Trong 5 năm gần đây, tăng trưởng kinh tế ở mức 2 con số, cao hơn mức bình quân cả nước. GDP 2006 gấp 1,5 lần GDP 2002. Nhu cầu tiêu dùng của nhân dân không ngừng tăng; kim ngạch bán lẻ 2006 tăng 87% so với 2002. Nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Năm 2006 sản lượng ô tô đạt 6,83 triệu xe, cao nhất trong lịch sử. Tỷ trọng dịch vụ chiếm 67,8%, cao nhất trong cả nước. Thủ đô thu hút đầu tư nước ngoài năm 2006 gấp đôi năm 2002, đạt mức cao nhất trong lịch sử. Giải ngân vốn FDI đạt 4,55 tỷ USD, gấp 3 lần năm 2002 (1,79 tỷ USD). Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh. Công ăn việc làm và mức sống người dân tăng cao. Đến năm 2006, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tạo 713.000 việc làm so với 412.000 năm 2002; thu nhập sau thuế đạt gần 20.000 RMB, tăng 59,7% so với 2002. Thu nhập thuần của nông dân tăng nhanh. Thủ tục hành chính được tinh giản hóa (60% năm 2006) và môi trường đầu tư được cải thiện.

Chính quyền Thành phố đã ban hành một loạt chính sách quan trọng trong đó có 3 quyết sách lớn là:

- Rà soát toàn diện các qui định của địa phương về WTO để đảm bảo phù hợp qui định của WTO (hơn 3000 qui định của Thành phố, đã bãi bỏ 26 qui định không phù hợp và có kế hoạch chỉnh sửa 40 qui định khác).
- Đề ra kế hoạch hành động ứng phó với việc gia nhập WTO thực hiện trong 5 năm, trong đó có các biện pháp cải cách qui trình cấp phép hành chính, kiện toàn môi trường đầu tư v.v...
- Thành lập Trung tâm WTO của Thành phố thuộc Phòng WTO của Sở Thương mại Bắc Kinh.

Trung tâm Sự vụ WTO có ba nhiệm vụ chính là (i) rà soát đánh giá qui định và tổng kết tình hình triển khai gia nhập WTO; (ii) cung cấp dịch vụ tố tụng và phi tố tụng; cung cấp hỗ trợ pháp lý; phối hợp Phòng WTO của Sở thương mại và các cơ quan liên quan để tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trong các vụ kiện bán phá giá, kiến nghị thuyết phục các nước công nhận địa vị

kinh tế thị trường của Trung Quốc. (iii) cung cấp kịp thời thông tin về thị trường theo yêu cầu của WTO qua mạng internet, nghiên cứu phân tích và báo cáo tình hình thị trường quốc tế.

Ba nhiệm vụ bổ trợ của Trung tâm Sự vụ WTO là (i) Đào tạo phát triển nguồn nhân lực; (ii) Tổ chức các Diễn đàn WTO; (iii) Hợp tác quốc tế (đã tiến hành hoạt động nghiên cứu trao đổi với các trường đại học, cơ sở nghiên cứu quốc tế...)

### ***Thượng Hải***

Thượng Hải đi đầu trong mở cửa, là một trong những thành phố thu hút đầu tư nước ngoài hiệu quả nhất Trung Quốc. Năm 2005, đầu tư nước ngoài là 110 tỷ USD, đóng góp 50% GDP của thành phố, góp phần phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cao thu nhập cho người dân. Đến cuối năm 2006, kim ngạch xuất nhập khẩu của riêng thành phố Thượng Hải đạt 227,4 tỷ USD. Cuối 2006, tổng doanh số đấu thầu các công trình nước ngoài ở Thượng Hải đạt 5,4 tỷ USD.

Sau khi gia nhập WTO, Thượng Hải đã tiến hành điều chỉnh chức năng của các cơ quan quản lý về thương mại hàng hóa, xử lý tranh chấp thương mại. Ủy ban Kinh tế và Thương mại là cơ quan được giao theo dõi thực hiện cam kết WTO. Ủy ban đã thành lập Phòng WTO. Đến 2002, do công việc tập trung vào xử lý tranh chấp nên đã sát nhập lại thành Phòng Công bằng Thương mại và Điều ước quốc tế. Phòng này có 4 chức năng: (i) thông báo tình hình đàm phán, theo dõi và thực thi các quy tắc WTO; (ii) chỉ đạo và hỗ trợ các doanh nghiệp Thượng Hải, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu; (iii) nâng cao khả năng xử lý tranh chấp của doanh nghiệp; (iv) tư vấn chính sách cho doanh nghiệp để thích ứng với WTO. Phòng chịu sự chỉ đạo của các đơn vị liên quan thuộc Bộ Thương mại cũng như cơ quan pháp chế của Thành phố.

Ngoài ra, Phòng còn có nhiệm vụ tuyên truyền và phổ biến các quy tắc liên quan của WTO; cung cấp thông tin liên quan đến WTO, thông qua mạng internet truyền đạt các ý kiến, yêu cầu của thành phố để triển khai cam kết WTO; bảo đảm các văn bản, chính sách do Thành phố ban hành nhất quán với các nguyên tắc của WTO; kịp thời tổng hợp và phản ánh các vấn đề phát sinh và yêu cầu của doanh nghiệp, báo cáo và đề xuất lên Bộ Thương mại ban hành các chính sách liên quan.

Thực hiện cam kết về mở cửa thị trường liên quan đến quyền kinh doanh, tháng 7 năm 2004, Thành phố ban hành hướng dẫn đăng ký hồ sơ với doanh nghiệp XNK. Kinh doanh XNK không còn là lĩnh vực độc quyền, các doanh nghiệp chỉ cần đăng ký kinh doanh là có thể hoạt động xuất nhập khẩu. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được đối xử như với doanh nghiệp trong nước. Thành phố đã rà soát 13.000 văn bản, hủy bỏ khoảng 4.000 văn bản. Tích cực thực hiện cam kết minh bạch hóa. Thúc đẩy cơ quan chính quyền địa phương quản lý hành chính một cách công khai, công bằng, minh bạch. Từ tháng 3 năm 2001 đến nay đã cải cách thủ tục xét duyệt và đang tiếp tục. Trọng điểm công tác gồm i) xem xét các quy định hiện hành không phù hợp với nguyên tắc WTO; ii) xem xét các chức năng xét duyệt thiếu căn cứ pháp lý; iii) xem xét tính khả thi, kiểm tra giám sát 1 cách hiệu quả.

Ủy ban kinh tế và thương mại Thành phố thiết lập trang web với 3 chức năng chính: (i) công khai thông tin về các văn bản pháp qui, số liệu thống kê, cơ cấu tổ chức của Ủy ban v.v ; (ii) thực hiện đăng ký, phê duyệt công khai trên mạng internet, thúc đẩy giao tiếp giữa chính quyền và doanh nghiệp; (iii) phản hồi thông tin trên mạng, qua đó giúp chính quyền hiểu thêm yêu cầu của doanh nghiệp và giúp nhân dân giám sát công việc của chính quyền.

Ủy ban chú trọng công tác đào tạo để nâng cao khả năng ứng phó với quy định mới của WTO; đào tạo cán bộ quản lý, những người phụ trách xuất nhập khẩu của doanh nghiệp: (i) Đào tạo kiến thức chuyên đề cơ bản về công bằng thương mại, những kiến thức nguyên tắc cơ bản nhất của WTO; đối tượng đào tạo là cán bộ XNK, cán bộ quản lý địa phương; (ii) Đào tạo nhân lực cho các cơ quan, hiệp hội, trường viện, văn phòng luật sư... chuyên sâu về các vấn đề pháp lý, cam kết, công bằng thương mại; (iii) Đào tạo cấp tốc cho các doanh nghiệp đang

bị kiện, cụ thể là phân tích, giải thích qui định pháp luật, những vấn đề cần chú ý khi tham gia kiện tụng...

### **Quảng Đông**

Qua 5 năm gia nhập WTO, kinh tế tỉnh Quảng Đông phát triển mạnh mẽ. Tỉnh Quảng Đông chiếm vị trí kinh tế đầu tàu của Trung Quốc với GDP là 2.600 tỷ NDT tương đương 1/8 GDP của Trung Quốc. Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 520 tỷ USD, chiếm 30% tổng kim ngạch toàn quốc. FDI tăng, trung bình 10 tỷ USD/năm; tính lũy kế 20 năm qua đạt 170 tỷ USD, chiếm 1/4 FDI toàn quốc. Quảng Đông là tỉnh dẫn đầu trong quan hệ kinh tế với Việt Nam (kim ngạch thương mại giữa Quảng Đông và Việt Nam đạt 1,6 tỷ USD, chiếm 1% tổng kim ngạch thương mại Trung Quốc năm 2006). Chính quyền tỉnh cho rằng việc gia nhập WTO là đúng đắn, phù hợp xu hướng phát triển kinh tế thị trường mang màu sắc Trung Quốc.

Sau khi gia nhập WTO, chính quyền tỉnh Quảng Đông đã ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện các cam kết; thành lập Cục Công bằng thương mại, Trung tâm Sự vụ WTO, thiết lập trang Web, cung cấp thông tin, các trường, viện tổ chức nghiên cứu quán triệt cam kết WTO. Tổ chức hội thảo, các cuộc tuyên truyền, đào tạo giới thiệu tình hình, phổ biến kiến thức về WTO cho các cán bộ cấp Sở trở lên. Tổ chức 3 đợt rà soát qui mô lớn toàn bộ văn bản hành chính liên quan đến thủ tục cấp phép, đến nay đã giảm 73% các loại thủ tục.

1/3 số vụ kiện chống phá giá áp đặt cho Trung Quốc là của tỉnh Quảng Đông. Tỉnh đã tổ chức điều tra thiệt hại của các vụ kiện này với doanh nghiệp và đã vận dụng các quy tắc quốc tế để bảo hộ lợi ích của doanh nghiệp.

Tỉnh đã thành lập Hội nghị liên tịch về bảo vệ sở hữu trí tuệ do chính quyền tỉnh điều phối; thành lập Trung tâm khiếu kiện về sở hữu trí tuệ; cải cách thông quan, thiết lập “cửa khẩu điện tử”, thúc đẩy dịch vụ thương mại điện tử.

Trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn ở tỉnh Quảng Đông, kết quả sau 5 năm gia nhập cho thấy ảnh hưởng không đáng kể. Tỉnh đã thúc đẩy chuyên môn hóa nông nghiệp, sản xuất theo nhu cầu thị trường, áp dụng công thức “nông dân + doanh nghiệp”. Tỷ lệ hộ nông dân lớn, song tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh thấp do kết quả của công nghiệp hóa. Dân số đông, nhu cầu tiêu dùng lớn, trong khi sản xuất nông nghiệp không đáp ứng được và phải nhập khẩu. Chương trình “thu hoạch sớm” của ASEAN được đánh giá là có lợi cho nông dân của tỉnh. Chính sách tam nông “nông nghiệp, nông thôn, nông dân” là 1 trọng tâm chính sách của nhà nước. Dùng các quy phạm pháp luật để tăng cường liên kết ngành nghề, thực hiện cam kết “không thay đổi chính sách đất đai trong 30 năm”. Tăng hỗ trợ ngân sách tỉnh cho vùng núi, vùng xa, lạc hậu. Tăng cường giáo dục, y tế, bảo hiểm xã hội nông thôn để xây dựng công bằng xã hội.

Về vấn đề chuyển dịch lao động nông thôn ra thành thị, chính quyền tỉnh có kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề cho các cơ quan thực hiện. Ngoài ra có sự hợp tác giữa các tỉnh thừa và thiếu lao động, ví dụ như giữa tỉnh Quảng Đông và tỉnh Tứ Xuyên. Chính phủ khuyến khích doanh nghiệp triển khai đào tạo nghề tại doanh nghiệp.

Trung tâm WTO của tỉnh Quảng Đông đã đóng vai trò tích cực trong việc phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### **Một số bài học rút ra cho địa phương Việt Nam:**

Qua nghiên cứu kinh nghiệm một số địa phương của Trung Quốc, có thể rút ra một số bài học cho Việt Nam như sau:

- Đẩy mạnh cải cách hành chính ở cấp địa phương sau khi gia nhập WTO theo hướng minh bạch, giảm chi phí giao dịch, nhất quán và để dự báo trước những thay đổi điều chỉnh chính sách; rà soát, điều chỉnh các chính sách, quy định ở địa phương trái với quy định của WTO để tạo môi trường kinh doanh thông thoáng cho doanh nghiệp;



- Địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc phổ biến thông tin, nâng cao hiểu biết về WTO và các cam kết để từ đó có những biện pháp cần thiết. Các cơ quan ở Trung ương hỗ trợ tích cực, nhưng không làm thay các địa phương. Việc thay đổi tư duy của các cấp chính quyền địa phương là yếu tố rất quan trọng đối với việc thành bại của các chính sách liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế.

- Chú trọng nâng cao năng lực cho địa phương trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến quy chế kinh tế phi thị trường và các vụ kiện chống bán phá giá. Không nên coi cuộc vận động các nước công nhận địa vị kinh tế thị trường chỉ là công việc của các cơ quan trung ương.

- Đầu tư nước ngoài là nhân tố quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút đầu tư nước ngoài. Vì vậy, năng lực vận động, thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài của các địa phương cần được quan tâm hơn nữa.

- Đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về lao động có tay nghề cao, đồng thời hỗ trợ cho việc chuyển dịch lao động và chuyển đổi ngành nghề ở địa phương.

- Đào tạo ngoại ngữ đặc biệt là tiếng Anh cho địa phương để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thành lập các Trung tâm tư vấn và sự vụ về WTO để tuyên truyền, thông tin, tư vấn về các vấn đề liên quan đến WTO, đồng thời làm cánh tay nối dài của các cơ quan trung ương trong việc nâng cao nhận thức của địa phương, doanh nghiệp.

## **8. Điều chỉnh cơ chế, tổ chức thực hiện cam kết gia nhập WTO:**

Điểm nổi bật trong cách điều hành của Trung Quốc duy trì cơ chế chỉ đạo tập trung. Ban chỉ đạo WTO được thành lập trong quá trình đàm phán gia nhập do một Phó Thủ tướng đứng đầu điều phối mọi công tác liên quan đến thực hiện cam kết gia nhập WTO. Thành viên là lãnh đạo các Bộ, ngành, các uỷ ban thuộc Quốc vụ viện, các cơ quan Đảng và Quốc hội. Ban chỉ đạo chủ yếu tập trung vào thực hiện các cam kết gia nhập WTO và xem xét các vấn đề liên quan đến tiến trình đàm phán. Các cuộc họp của Ban chỉ đạo diễn ra tại Văn phòng Quốc vụ viện. Việc phối hợp đàm phán bên ngoài và tuân thủ các cam kết là một bộ phận và chịu sự chỉ phối của cơ chế điều phối thực hiện trong nước. Tuy nhiên, Trung Quốc không đồng nhất thực hiện trong nước (đối nội) với việc tuân thủ các cam kết gia nhập và quy tắc WTO (đối ngoại) với phương châm “chặt trong, lỏng ngoài”.

Ở Trung Quốc, Thủ tướng chỉ đạo hội nhập kinh tế quốc tế nói chung, thúc đẩy cải cách *trong nước* thông qua việc thực hiện các cam kết WTO. Bộ Thương mại chủ trì về tuân thủ (*về đối ngoại*) các cam kết và đàm phán Vòng Đô-đa, các thoả thuận thương mại song phương và khu vực. Uỷ ban nhà nước về Cải cách và Phát triển đóng vai trò tham mưu chính sách về các vấn đề sau khi gia nhập WTO, điều phối chính sách kinh tế nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và đầu tư. Các Bộ, ngành chỉ đạo thực hiện cam kết theo chức năng, lĩnh vực của mình.

Bộ Thương mại đã thành lập Vụ WTO, Vụ Đối ngoại, Văn phòng thông báo hỏi đáp, Văn phòng Công bằng thương mại, Văn phòng điều tra thiệt hại của các ngành.

Vụ WTO của Bộ Thương mại có chức năng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia các cuộc họp đa phương và song phương trong khuôn khổ WTO; tham gia vào các Uỷ ban hay diễn đàn về WTO, chủ trì rà soát chính sách thương mại và chính sách kinh tế của Trung Quốc trong khuôn khổ WTO. Vụ WTO cùng với Vụ Đối ngoại, Vụ Luật pháp và các Vụ khác liên quan thực hiện tham vấn với nước ngoài khi có các vụ kiện thương mại trước khi đưa ra giải quyết tranh chấp tại WTO. Vụ WTO giúp Bộ đưa ra các khuyến nghị đối với việc sửa đổi, bổ sung luật, chính sách liên quan đến thương mại để bảo đảm phù hợp với quy định của WTO; giúp quản lý chuẩn hóa các quy định về xuất nhập khẩu, tổ chức và điều phối nghiên cứu và điều tra về hàng rào kỹ thuật trong thương mại. Vụ WTO còn theo dõi công tác đào tạo liên quan đến WTO.

Văn phòng Thông báo và hỏi đáp thuộc Bộ Thương mại có chức năng thực hiện nghĩa vụ thông báo mà Trung Quốc đã cam kết với WTO (cung cấp thông tin, giải đáp thắc mắc của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước liên quan đến cam kết gia nhập WTO, xây dựng các điểm hỏi đáp trên toàn quốc); xử lý các vấn đề liên quan đến cơ chế rà soát chính sách (thu thập thông tin và gửi báo cáo hàng năm về việc thực hiện của Trung Quốc cho Ban thư ký WTO; hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến WTO; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về chính sách kinh tế, thương mại của Trung Quốc.

Văn phòng Công bằng Thương mại có chức năng soạn thảo, đề xuất các biện pháp khắc phục thương mại bao gồm điều tra chống bán phá giá và điều tra chống trợ cấp; tổ chức phối hợp các công việc liên quan đến biện pháp chống bán phá giá, đối kháng, tự vệ và các vấn đề liên quan đến công bằng thương mại cho xuất, nhập khẩu; điều tra và phân tích các quy định đầu tư và thương mại của các nước, khu vực khác, tìm ra những nội dung phân biệt đối xử để có những ứng phó; theo dõi và phân tích số liệu về xuất, nhập khẩu, xây dựng cơ chế Điều tra rào cản thương mại và đầu tư toàn cầu và cảnh báo sớm, thường xuyên xuất bản các báo cáo về môi trường thương mại và đầu tư quốc gia.